

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM DƯƠNG
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 26/2018/HNGĐ-ST
Ngày 25-10-2018
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM DƯƠNG, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoài.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nghi

2. Ông Nguyễn Đình La

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Trang-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đình Đắc – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 114/2018/TLST-HNGĐ ngày 11/6/2018 về việc: ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2018/QĐXX-ST ngày 28/9/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lăng Thị H, sinh năm 1982. Có mặt

Nơi cư trú: Thôn CT, xã ĐT, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bị đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1987. Vắng mặt.

Chỗ ở hiện nay: Thôn CT, xã ĐT, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện; bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lăng Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn T đăng ký kết hôn ngày 06/3/2007 tại Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Chị và anh T quen biết nhau khi đi làm thuê ở Hà Nội. Sau đó, hai bên gia đình sắp đặt việc cưới hỏi nên chị và anh T không có thời gian tìm hiểu về nhau. Nhưng sau đó chị và anh T cũng tự nguyện đi đăng ký kết hôn.

Sau khi kết hôn chị và anh T làm nhà và sinh sống trên thửa đất mà mẹ đẻ chị cho tại thôn CT, xã ĐT. Quá trình chung sống vợ chồng luôn có những bất đồng quan điểm trong cách sống, cư xử và sinh hoạt hàng ngày. Nguyên nhân là do anh T là người lười lao động, thường xuyên uống rượu say. Có thời gian anh T tự bỏ đi sang Trung Quốc theo mẹ đẻ không nói gì với chị và không quan tâm đến việc nuôi dạy con cái. Năm 2013 anh T uống rượu say về còn đốt nhà rồi bỏ trốn về quê ở huyện YM, tỉnh Hưng Yên. Năm 2018 anh T về chung sống cùng chị và các con nhưng không chịu đi làm nên không có tiền chi tiêu sinh hoạt dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, anh T còn đánh đập vợ con nên từ tháng 3/2018 chị và các con phải đến ở nhờ nhà anh trai. Hai bên gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh T nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh T có 03 người con chung là cháu Phạm Thị Hằng H, sinh ngày 26/12/2007; cháu Phạm Văn Ch, sinh ngày 18/7/2011 và cháu Phạm Văn L, sinh ngày 09/7/2017. Hiện các cháu đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị đề nghị tiếp tục nuôi cả ba cháu và chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn anh Phạm Văn T trình bày:

Anh và chị H tự nguyện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã ĐT. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng mẹ đẻ chị H nhưng có làm nhà ở riêng. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì có mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cách sống, việc làm kinh tế không thuận lợi dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi chửi nhau. Từ tháng 3/2018 vợ chồng sống ly thân. Việc chị H cho rằng anh thường xuyên uống rượu là đúng nhưng anh chỉ uống rượu vào buổi tối, không ảnh hưởng gì đến gia đình. Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh, anh không đồng ý vì theo anh vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nuôi dạy con chung nhưng anh không đến Tòa án để làm việc.

Về con chung: Anh và chị H có 03 người con chung là cháu Phạm Thị Hằng H, sinh ngày 26/12/2007; cháu Phạm Văn Ch, sinh ngày 18/7/2011 và cháu Phạm Văn L, sinh ngày 09/7/2017. Hiện các cháu đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu trường hợp vợ chồng ly hôn anh đề nghị nuôi cháu Ch còn cháu H và cháu L để chị H nuôi dưỡng và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án chị H và anh T trình bày: Năm 2007 chị H và anh T kết hôn và sinh sống tại thôn CT, xã ĐT, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn anh T cư trú tại thôn KC, xã ĐT, huyện YM, tỉnh Hưng Yên. Từ sau khi kết hôn anh T có đăng ký tạm trú tại thôn CT, xã ĐT nhưng hết thời hạn theo quy định của pháp luật. Đến nay anh T vẫn chưa làm thủ tục đăng ký tạm trú hay thường trú tại xã ĐT. Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung thì chị H và anh T cùng thống nhất thỏa thuận chọn Tòa án nhân dân huyện Tam Dương để giải quyết vụ án này.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Dương:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng các quy định về thời hạn, thẩm quyền, tư cách pháp lý và nội dung theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng trình tự thủ tục đối với phiên tòa dân sự sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Còn bị đơn không chấp hành giấy triệu tập, thông báo và quyết định của Tòa án nên không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình:

Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị H được ly hôn với anh T.

Về con chung: Giao 03 người con chung của chị H và anh T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, nợ chung: Chị H, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Thẩm quyền giải quyết: Ngày 12/9/2018 chị Lăng Thị H và anh Phạm Văn T có văn bản thỏa thuận với nhau về việc lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Tam Dương để giải quyết vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Tam Dương giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]. Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, anh Phạm Văn T không có mặt theo giấy triệu tập và thông báo của Tòa án. Khi Tòa án tiến hành lấy lời khai

anh T đề nghị Tòa án hòa giải nhưng lại không đến Tòa án nên Tòa án không tiến hành hòa giải theo quy định của pháp luật và giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử tổng đạt hợp lệ cho anh T. Ngày 15/10/2018 anh T vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự hoãn phiên tòa và thông báo cho bị đơn biết. Tại phiên tòa hôm nay anh T vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3]. Về hôn nhân:

Chị Lăng Thị H và anh Phạm Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 06/3/2007 tại Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc. Hôn nhân của chị H, anh T là tự nguyện, không ai bị lừa dối nên hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, chị H anh T chung sống tại thôn CT, xã ĐT, huyện Tam Dương. Theo chị H trong quá trình chung sống, vợ chồng luôn có những mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cách sống cư xử và sinh hoạt hàng ngày. Anh T là người lười lao động, thường xuyên uống rượu say, có lần rượu say về thì đốt nhà, có lần say rượu thì đánh đuổi vợ con. Còn theo anh T vợ chồng sống hạnh phúc, chỉ có mâu thuẫn về việc tạo dựng kinh tế nên hay xảy ra cãi chửi nhau. Anh cũng thừa nhận việc anh thường xuyên uống rượu, công việc không ổn định nên thu nhập thấp.

Xét lời trình bày của chị H, anh T và biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã ĐT, Hội đồng xét xử thấy: tình trạng hôn nhân của anh chị có mâu thuẫn từ lâu, đã được gia đình hai bên khuyên bảo, hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Năm 2013 anh T có hành vi tự đốt nhà mình gây mất trật tự nơi cư trú nên anh chị được chính quyền địa phương nhắc nhở. Chị H xác định không thể tiếp tục sống cùng anh T nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2018 đến nay. Tuy anh T không đồng ý ly hôn nhưng cũng thừa nhận từ ngày vợ chồng sống ly thân anh không có biện pháp nào để khắc phục tình trạng hôn nhân của mình, khi chị H yêu cầu giải quyết ly hôn anh cũng không đến Tòa án để hòa giải. Như vậy, mục đích hôn nhân của chị H anh T không đạt được nên có căn cứ để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về con chung:

Chị H anh T có 03 người con chung là cháu Phạm Thị Hằng H, sinh ngày 26/12/2007; cháu Phạm Văn Ch, sinh ngày 18/7/2011 và cháu Phạm Văn L, sinh ngày 09/7/2017. Khi giải quyết ly hôn chị H đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả ba cháu, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Còn

anh T đề nghị trực tiếp nuôi cháu Ch, hai cháu H và L để chị H nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét yêu cầu được nuôi con của chị H anh T, Hội đồng xét xử thấy: Mặc dù, chị H và anh T có 03 người con chung. Nhưng hiện tại anh T không có nơi cư trú rõ ràng, không có thu nhập ổn định và thường xuyên uống rượu. Còn chị H có nhà riêng, có thu nhập ổn định và đang trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 cháu. Các cháu H và Ch đều có nguyện vọng được tiếp tục ở cùng với mẹ. Như vậy, việc giao 03 cháu cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng vẫn đảm bảo các điều kiện sinh hoạt, việc chăm sóc giáo dục con chung và không ảnh hưởng đến việc học tập và sinh hoạt của các cháu. Chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản, nợ chung: Chị H, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho chị Lăng Thị H ly hôn với anh Phạm Văn T.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Phạm Thị Hằng H, sinh ngày 26/12/2007; Phạm Văn Ch, sinh ngày 18/7/2011 và Phạm Văn L, sinh ngày 09/7/2017 cho chị Lăng Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Anh Phạm Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.3. Anh T có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì

người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản, nợ chung: Chị Lăng Thị H và anh Phạm Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lăng Thị H phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0001029 ngày 11/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc. Chị H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo:

5.1. Chị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5.2. Anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Dương;
- Dương sự.
- UBND xã ĐT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Hoài